TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2023/KDTM-ST
Ngày: 10/10/2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thúy
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Xuân Thiều
2. Ông Nguyễn Văn Khoản

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên toà: Ông Trương Văn Sa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 9 và ngày 10 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: **22**/2022/TLST-KDTM ngày 14 tháng 11 năm 2022, về việc *"tranh chấp hợp đồng mua bán"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2023/QĐXXST-KDTM ngày 21/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2023/QĐST-KDTM ngày 06/9/2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Công ty Cổ phần E; trụ sở: Lô 15, KCN Q, thị trấn M, huyện L, Hà Nội; Đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thị M– Trưởng bộ phận pháp chế; Người nhận ủy quyền lại: Ông Phạm Hồng S– Chuyên viên Pháp chế; địa chỉ: Mạc Đĩnh C, phường Đ, Quận X, TP. Hồ Chí Minh; (ông Sơn có mặt)

- ***Bị đơn:*** Công ty Cổ phần N; Trụ sở: Khu phố 4, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước; Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Nam T– Giám đốc; (vắng mặt);

Đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy H– Phó giám đốc; (Có mặt ngày 28/9/2023 và vắng mặt ngày 10/10/2023);

-***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

Ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1984; HKTT, khu phố 4 phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở hiện nay:Khu phố 3, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần E – Ông Phạm Hồng S trình bày:

Ngày 16/07/2020, Công ty Cổ phần E (sau đây gọi tắt là công ty E) và Công ty Cổ phần N (sau đây gọi tắt là công ty N) ký Hợp đồng mua bán số 2030706/19310616/NR (gọi tắt là Hợp đồng). Theo đó, Công ty E thực hiện việc cung cấp và lắp đặt cửa sổ, cửa đi, vách kính cho công trình: Tên công trình: NR; địa chỉ công trình: Số thửa 30, tờ bản đồ số 47, đường Quốc Lộ 14, ấp 4, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước (Nay là khu phố 4, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành). Giá trị Hợp đồng là: 2.711.543. 873 đồng *(Hai tỉ, bảy trăm mười một triệu, năm trăm bốn mươi ba ngàn, tám trăm bảy mươi ba đồng),* đã bao gồm thuế VAT. Đã thanh toán: 1.896.000.000 đồng (*Một tỉ, tám trăm chín mươi sáu triệu đồng*); Chưa thanh toán: 815.543.873 đồng (*Tám trăm mười lăm triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm bảy mươi ba đồng*).

Quá trình thực hiện Hợp đồng, E đã thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với hợp đồng hai bên đã ký kết. Toàn bộ số lượng sản phẩm theo Hợp đồng đã được E tiến hành sản xuất và lắp đặt 100% theo khối lượng của Hợp đồng. Bao gồm: khối lượng hoàn thành lắp đặt và bàn giao 88 bộ cửa, tất cả đã chuyển đến công trình, đã lắp đặt vệ sinh và bắn keo silicon hoàn thiện. Đại diện E và đại diện N đã nghiệm thu cơ sở để công trình được đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, sau đó E đã đề nghị Công ty Cổ phần N ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình và biên bản thanh lý hợp đồng để hoàn tất hợp đồng nhưng N trốn tránh không thực hiện việc hoàn tất để tất toán cho E. Hiện tại N chưa thanh toán số tiền còn lại là 815.543.873 đồng. Công trình xây dựng hiện tại đã được N sử dụng và cho thuê hầu hết mặt bằng. Phía E đã nhiều lần thiện chí bằng cách gửi công văn yêu cầu N thực hiện theo đúng hợp đồng tất toán cho E nhưng vẫn không nhận được sự thiện chí thanh toán từ N và hiện nay công trình đã đi vào sử dụng ổn định nhưng phía N vẫn không tiến hành thanh toán để tất toán công nợ giữa các bên.

Việc công trình đã hoàn tất và đã được đưa vào sử dụng, khai thác nhưng chưa tất toán và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa cụ của Hợp đồng số 2030706/19310616/NR, bị đơn N chậm thanh toán ảnh hưởng rất lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của E. Vì vậy, ngoài khoản tiền gốc thì theo thỏa thuận tại Hợp đồng N còn phải chịu lãi xuất theo thỏa thuận, số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán cho E, tạm tính đến ngày thụ lý là 197.473.326 đồng căn cứ theo thỏa thuận của hai bên khi ký hợp đồng;

Do đó, Công ty Cổ phần E yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước giải quyết:

Buộc Công ty Cổ phần N phải thanh toán số tiền gốc là 815.543.873 đồng và lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 14/11/2022 là 197.473.326 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi phải thanh toán là 1.003.364.744 đồng; Buộc, N còn phải có nghĩa vụ trả

tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Công ty Cổ phần E được quyền bảo lưu toàn bộ sản phẩm đã được lắp đặt tại: công trình: 2 Số thửa 30, tờ bản đồ số 47, đường Quốc Lộ 14, Ấp 4, Xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước cho đến khi N thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng.

Tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 17/8/2023, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Hồng Sxin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc bảo lưu toàn bộ sản phẩm đã được lắp đặt tại: công trình: 2 Số thửa 30, tờ bản đồ số 47, đường Quốc Lộ 14, ấp 4, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước cho đến khi N thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng.

Bị đơn Công ty Cổ phần N đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Nam T trình bày:

Công ty Cổ phần N thành lập năm 2018, do Ông Nguyễn Viết T là đại diện theo pháp luật và 04 cổ đông khác đều sinh sống tại Chơn Thành, Bình Phước;

Ông Nguyễn Nam T là đại diện theo pháp luật cho công ty từ 30/8/2022 và cổ đông cũng thay đổi từ ngày 10 đến ngày 15/5/2022, chỉ còn lại Ông Nguyễn Viết T với 10% cổ phần còn lại. Khi các cổ đông mới nhận chuyển nhượng lại cổ phần của công ty N thì công ty không có tài sản gì. Hội đồng quản trị mới vẫn nhất trí để Ông Nguyễn Viết T làm đại diện theo pháp luật cho công ty trong thời hạn 03 tháng để ông Tuyên tiến hành sắp xếp công việc bàn giao các thủ tục liên quan cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tuy nhiên đến hết thời hạn nêu trên thì ông Tuyên không bàn giao được bất cứ thứ gì liên quan đến công ty cũng như tài sản của công ty mà còn vắng mặt tại Công ty và nơi cư trú cũng như thường xuyên tắt máy điện thoại, không liên lạc được;

Khi tiến hành nhận chuyển nhượng lại cổ phần thì giữa các cổ đông mới và ông Tuyên (đại diện cho các cổ đông cũ) có thỏa thuận với nhau: Tất cả các công nợ phát sinh từ công ty cũ cho đến thời điểm chuyển nhượng thì ông Tuyên có trách nhiệm giải quyết trong vòng 03 tháng từ 10/5/2022 đến 10/8/2022; phía các cổ đông mới không chịu trách nhiệm với các khoản nợ phát sinh trong thời kỳ anh Tuyên làm giám đốc với các cổ đông. Việc thỏa thuận các bên được họp tại Văn phòng chỉ trao đổi trong cuộc họp có các cổ đông mới tham gia.

Việc Ông Nguyễn Viết T là giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của công ty vào thời điểm ký hợp đồng mua bán với Công ty Cổ phần E thì ông Tiến không nắm được. Việc lắp cửa kính của Công ty Cổ phần E cho Tòa nhà tọa lạc tại ấp 3, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là lắp cho cá nhân gia đình ông Tuyên không phải lắp cho Công ty N, hiện tại thì công ty N không có tài sản là Tòa nhà được lắp kính và trong báo cáo tài chính của N thì cũng không thể hiện việc mua bán cửa kính với Công ty Cổ phần E. Qua tìm hiểu thì ông Tiến được biết tòa nhà này ông Tuyên đã bán cho người khác là ông Trần Anh Sơn vào tháng 6/2022, nay không còn đứng tên ông Tuyên nữa. Do vậy, nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần E thì phía Công ty Cổ phần N có ý kiến đề nghị Ông Nguyễn Viết T có nghĩa vụ trả nợ cho công ty E, do việc ký kết hợp đồng và thực hiện công việc theo hợp đồng ngày 16/7/2020 nhằm mục đích phục vụ nhu cầu cá nhân ông Tuyên mà không vì mục đích thực hiện công việc cho công ty.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Nguyễn Viết T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không cung cấp chứng cứ, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Tòa án dựa vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập để giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quyền yêu cầu độc lập đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn cho rằng Ông Nguyễn Viết T là người phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, nhưng bị đơn lại rút yêu cầu độc lập đối với ông Tuyên, sẽ yêu cầu sau.

Về thu thập chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có văn bản yêu cầu Phòng quản lý đô thị thị xã Chơn Thành cung cấp bản sao Giấy phép xây dựng đối với công trình mà hai công ty ký hợp đồng và đang tranh chấp, có văn bản gửi Chi cục thuế để xác minh tính có căn cứ đối với các tài liệu bị đơn cung cấp. Tuy nhiên, đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì Tòa án chưa nhận được các văn bản yêu cầu. Nhưng xét thấy, do bị đơn không có yêu cầu độc lập với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết xem xét các văn bản trả lời trên. Trường hợp bị đơn có tranh chấp với cổ đông của công ty là Ông Nguyễn Viết T về việc thực hiện công việc thì có quyền khởi kiện trong 01 vụ án khác.

Về xem xét thẩm định tại chỗ: Do quá trình giải quyết vụ án, các bên không tranh chấp về nội dung hợp đồng và công việc mà nguyên đơn đã thực hiện, cũng như thống nhất ý kiến về công trình thi công đã hoàn thiện và đã chuyển nhượng cho người khác nên không cần thực hiện việc xem xét thẩm định tại chỗ cũng đủ căn cứ để đánh giá chứng cứ, giải quyết vụ án.

***Tại phiên tòa*:**

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xin bổ sung ý kiến sau: Đối với tiền lãi phát sinh do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng là 0,1 %/ngày là cao hơn quy định của Bộ luật dân sự nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải chịu mức lãi suất chậm trả là 0,05%/ngày tương đương với mức 18%/năm và phải chịu lãi suất chậm trả đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền còn nợ.

Về thời điểm phát sinh nghĩa vụ chậm thanh toán thì nguyên đơn xác định từ ngày 05/6/2022, với số ngày chậm thanh toán tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 10/10/2023 là 492 ngày tương đương với số tiền lãi chậm trả bị đơn phải chịu là: 197.875.522 đồng;

Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Vào ngày 28/9/2023, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Huy Hgiữ nguyên ý kiến của người đại diện theo pháp luật đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và xin Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để các bên tự thỏa thuận với nhau và vắng mặt vào ngày 10/10/2023, không cung cấp tài liệu chứng cứ nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Viết T vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về việc chấp hành theo quy định của pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, Bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71, 72 của BLTTDS năm 2015; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điều 70, 74 của BLTTDS năm 2015;

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ các khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 165, Điều 184, Điều 147, Điều 266, 227, 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Khoản 1 và 8 Điều 3, Điều 50, Điều 55 và 306 của Luật thương mại; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần E buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ lại đối với Hợp đồng số 2030706/19310616/NR mà hai bên đã ký kết là 815.543.873 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán là 197.875.522 đồng và phải chịu lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 0,05% /ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền còn nợ lại.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung đơn khởi kiện của Công ty Cổ phần E thì bị đơn Công ty Cổ phần N phải thanh toán số tiền còn nợ trong việc mua hàng theo hợp đồng số 2030706/19310616/NR mà hai bên ký kết, giữa nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh, phát sinh tranh chấp trong hoạt động kinh doanh thương mại, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]Về thẩm quyền: Bị đơn Công ty Cổ phần N có trụ sở đăng ký kinh doanh tại Khu phố 4, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước do đó căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Viết T mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt; Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Huy H vào ngày 28/9/2023 có mặt và xin Hội đồng xét xử cho tạm ngừng phiên tòa để các bên tự thỏa thuận với nhau và được Hội đồng xét xử ấn định lại ngày mở lại phiên tòa vào lúc 14 giờ ngày 10/10/2023 nhưng bị đơn và người đại diện theo ủy quyền vắng mặt. Do đó, căn cứ các Điều 227, 228, 259 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn vào ngày 10/10/2023 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc bảo lưu toàn bộ sản phẩm đã được lắp đặt tại: công trình: 2 Số thửa 30, tờ bản đồ số 47, đường Quốc Lộ 14, Ấp 4,

Xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước cho đến khi N thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 5, 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự nên được HĐXX chấp nhận. Cần đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn rút.

[5] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần E về việc yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần N phải thanh toán số tiền gốc chưa thanh toán là 815.543. 873 đồng và lãi phát sinh do chậm thanh toán tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/10/2023 là 492 ngày tương đương với số tiền lãi chậm trả bị đơn phải chịu là: 197.875.522 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi phải thanh toán là 1.013.421.395 đồng *(một tỷ không trăm mười ba triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn ba trăm chín mươi lăm đồng)*; Buộc, N còn phải có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh 0,05%/ngày chậm thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 16/07/2020, Công ty Cổ phần E và Công ty Cổ phần N ký Hợp đồng mua bán số 2030706/19310616/NR . Theo đó, Công ty Cổ phần E thực hiện việc cung cấp và lắp đặt cửa sổ, cửa đi, vách kính cho công trình: Tên công trình: NR; địa chỉ công trình: Số thửa 30, tờ bản đồ số 47, đường Quốc Lộ 14, ấp 4, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (nay là khu phố 4, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành). Giá trị Hợp đồng là: 2.711.543.873 đồng *(Hai tỉ bảy trăm mười một triệu, năm trăm bốn mươi ba ngàn, tám trăm bảy mươi ba đồng)*. Đã bao gồm thuế VAT. Đã thanh toán: 1.896.000.000 đồng (*Một tỉ, tám trăm chín mươi sáu triệu đồng*); Sau khi nguyên đơn lắp đặt xong công trình thì bị đơn chưa thanh toán hết số tiền còn lại. Nên nguyên đơn đã có thông báo yêu cầu thanh toán, nhưng bị đơn không thực hiện. Số tiền mà bị đơn chưa thanh toán là 815.543.873 đồng (*Tám trăm mười lăm triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm bảy mươi ba đồng*).

Phía bị đơn Công ty N cho rằng việc Ông Nguyễn Viết T ký hợp đồng mua bán với nguyên đơn Công ty Cổ phần E là phục vụ mục đích cá nhân ông Tuyên không liên quan đến lợi ích công ty nên không đồng ý trả số tiền trên mà không có ý kiến tranh chấp gì về nội dung hợp đồng hay số tiền còn nợ lại và lãi suất chậm trả do nguyên đơn yêu cầu. Đồng thời bị đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ thể hiện tài sản là công trình mà nguyên đơn tiến hành lắp ráp các bộ cửa theo hợp đồng mua bán giữa hai công ty là công trình được Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng cho cá nhân ông Tuyên, thửa đất mà công trình xây dựng thực hiện cũng là tài sản riêng của ông Tuyên không phải là tài sản công ty. Tuy nhiên, nguyên đơn lại cho rằng công ty ký hợp đồng với bị đơn, không biết việc ông Tuyên ký hợp đồng với tư cách pháp nhân nhưng lại vì mục đích cá nhân. Nên không yêu cầu ông Tuyên trả nợ mà chỉ yêu cầu pháp nhân là công ty N trả nợ số tiền trên.

Xét nội dung tranh chấp của các đương sự, HĐXX thấy:

Công ty Cổ phần N thành lập năm 2018, do Ông Nguyễn Viết T là đại diện theo pháp luật và 04 cổ đông khác đều sinh sống tại Chơn Thành, Bình Phước; Thời điểm ký kết hợp đồng giữa nguyên đơn với Công ty Cổ phần N thì Ông Nguyễn Viết

T làm giám đốc công ty và theo Hợp đồng mua bán số 2030706/19310616/NR ký ngày 16/7/2020 thì Ông Nguyễn Viết T ký với tư cách là giám đốc công ty N và có đóng dấu công ty.

Theo khoản 3 Điều 31 Điều lệ của công ty N do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bình Phước cung cấp tại thời điểm thành lập Công ty thì:

Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

4. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Đối chiếu Điều lệ này của Công ty với quy định tại Điều 62 Luật doanh nghiệp năm 2014 là phù hợp với nhau.

Do đó, việc Ông Nguyễn Viết T, khi đó đang là giám đốc của công ty N ký kết hợp đồng với công ty E với tư cách là Giám đốc thay mặt công ty nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với công ty. Việc ông Nguyễn Nam T là đại diện theo pháp luật của bị đơn cho rằng, ông đại diện cho công ty từ 30/8/2022 và cổ đông cũng thay đổi từ ngày 10 đến ngày 15/5/2022 nên không thanh toán hợp đồng trên là không có căn cứ. Do tại thời điểm chuyển nhượng cổ phần với ông Tuyên thì các bên phải thỏa thuận với nhau về nợ của công ty. Hơn nữa, hiện nay ông Tuyên cũng là cổ đông sở hữu 10% cổ phần của Công ty nên việc Công ty cho rằng không biết việc ký kết hợp đồng giữa hai công ty và không đồng ý thanh toán theo hợp đồng trên là không có căn cứ. Mặt khác, tại thời điểm thanh toán hợp đồng trên cho nguyên đơn thì tài khoản thanh toán là của Công ty N.

Trường hợp công ty N cho rằng việc ông Tuyên ký hợp đồng với tư cách pháp nhân công ty nhưng lại phục vụ mục đích cá nhân của ông Tuyên gây thiệt hại cho công ty thì công ty có quyền yêu cầu ông Tuyên bồi thường thiệt hại cho công ty theo khoản 4 Điều 31 Điều lệ của công ty và có quyền khởi kiện Ông Nguyễn Viết T

trong 01 vụ án khác. Trong vụ án này do công ty N không yêu cầu độc lập đối với ông Tuyên nên HĐXX không xem xét.

Do vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần N có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền còn lại theo hợp đồng mà các bên đã ký kết là có cơ sở được chấp nhận.

[5.1] Đối với yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của nguyên đơn, xét thấy:

Ở mục a, tiểu mục 2.5 Điều 2 của Hợp đồng thì hai bên có thỏa thuận: *" Nếu không thanh toán đủ và đúng hạn các khoản tiền ghi trong hợp đồng, bên A sẽ phải trả lãi chậm thanh toán với lãi suất 0,1% (không phẩy một phần trăm) được tính cho mỗi ngày chậm thanh toán trên tổng số tiền đến hạn thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế"...*Như vậy, dựa trên điều khoản trong hợp đồng mà hai công ty đã thỏa thuận thì yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của nguyên đơn Công ty Cổ phần E là có cơ sở.

Về thời gian chậm thanh toán: Trong hợp đồng không ghi rõ thời hạn kết thúc hợp đồng và trong biên bản bàn giao cũng không thể hiện ngày nghiệm thu công trình và bàn giao. Tuy nhiên, trong Hợp đồng có quy định: *bên A có trách nhiệm phải bố trí người nghiệm thu tại công trình. Việc nghiệm thu sản phẩm lắp đặt được xem là hoàn thành trong các trường hợp sau:*

"- Hai bên cùng kiểm tra ký vào biên bản nghiệm thu, hoặc:

- *Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của bên B, bên A không cử người nghiệm thu hoặc không có thông tin phản hồi hoặc không ký biên bản nghiệm thu và không chỉ ra được lỗi sản phẩm không đúng theo tiêu chuẩn của Erowindow, thì biên bản nghiệm thu do bên B lập sẽ đương nhiên được coi như đã được bên A chấp nhận và việc nghiệm thu được coi như đã hoàn thành.."*

Theo chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì ngày bàn giao và nghiệm thu công trình không thể hiện nên việc xác định ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ không rõ ràng. Tuy nhiên, theo lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn thì công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2021, nay đã chuyển nhượng cho người khác. Do đó, có cơ sở xác định nguyên đơn đã thực hiện xong công việc trong hợp đồng từ năm 2021 nên bên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Xét, theo yêu cầu trong thông báo số 0559/2022/EW-HCM-KD ngày 05/7/2022 thì thời hạn bị đơn vi phạm nghĩa vụ là ngày 05/6/2022, cách thời điểm nguyên đơn đã thực hiện xong công việc một khoảng thời gian và phù hợp với mục 2.3 thuộc Điều 2 của Hợp đồng mà hai bên đã ký kết nên việc xác định thời hạn như trên là có cơ sở, có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Về mức lãi suất chậm thanh toán: Theo hợp đồng hai bên thỏa thuận thì lãi suất là 0,1 % /ngày/số tiền chậm trả, tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi suất chậm trả với mức lãi suất 0,05%/ngày là thấp hơn lãi suất thỏa thuận, phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự và có lợi cho bị đơn nên cần chấp nhận đối với yêu cầu này.

Về số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi phát sinh từ ngày 05/6/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 10/10/2023 với số ngày chậm thanh toán là 492 ngày tương đương với số tiền lãi chậm trả bị đơn phải chịu là: 197.875.522 đồng; Xét thấy, do trong điều khoản hợp đồng các bên thỏa thuận lãi

chậm trả dựa trên ngày, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi được chấp nhận là: 815.543.873 x 492 ngày x 0.05% = 197.875.522 đồng *(Một trăm chín mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi hai đồng);*

[5.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải chịu tiền lãi phát sinh 0.05 %/ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền còn lại theo hợp đồng, HĐXX thấy:

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì: "*Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật*….".Như vậy, trong hợp đồng mà hai công ty ký kết có thỏa thuận về lãi suất chậm trả và nguyên đơn đưa ra yêu cầu thấp hơn mức thỏa thuận và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn Công ty Cổ phần E là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa đại diện quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[7] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với số tiền còn phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật là 42.402.641 đồng *(bốn mươi hai triệu bốn trăm lẻ hai nghìn sáu trăm bốn mươi mốt đồng);*

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 165, Điều 184, Điều 147, Điểm c, khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Khoản 1 và 8 Điều 3, Điều 50, Điều 55 của Luật thương mại;

- Căn cứ các Điều 62 Luật doanh nghiệp năm 2014;

- Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu bảo lưu bảo lưu toàn bộ sản phẩm đã được lắp đặt tại: công trình Số thửa 30, tờ bản đồ số 47, đường Quốc Lộ 14, ấp 4, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (nay là khu phố 4, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành) cho đến khi N thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng;

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần E về việc buộc Công ty Cổ phần N thanh toán số tiền còn lại 815.543.873 đồng *(Tám trăm mười lăm triệu*

năm trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi ba đồng) đối với Hợp đồng số 2030706/19310616/NR ngày 16/7/2020 chưa thanh toán hết.

Chấp nhận yêu cầu về việc trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả chậm trả kể từ thời điểm vi phạm đến ngày xét xử sơ thẩm 815.543.873 x 492 ngày x 0.05% = 197.875.522 đồng *(Một trăm chín mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi hai đồng);*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 0,05%/ngày.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần N phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 42.402.641 đồng *(bốn mươi hai triệu bốn trăm lẻ hai nghìn sáu trăm bốn mươi mốt đồng)*. Công ty Cổ phần E được nhận lại số tiền tạm ứng án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là 21.195.257 đồng *(hai mươi mốt triệu chín trăm mười lăm nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng)* theo biên lai thu tạm ứng số 00120083 ngày 11/11/2022;

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Dương Thị Thúy